

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
..... 000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 2 NĂM 2022

Báo cáo gồm có:

1. *Bảng cân đối kế toán – Mẫu số B01-DN*
2. *Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh – Mẫu số B02-DN*
3. *Báo cáo lưu chuyển tiền tệ – Mẫu số B03-DN*
4. *Thuyết minh báo cáo tài chính – Mẫu số B09-DN*

HÀ NỘI – 2022



CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCGĐịa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội
Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568Mẫu số B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-
BTC ngày 22/12/2014 của BTC)**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | MÃ SỐ | TM | SỐ CUỐI KỲ | SỐ ĐẦU KỲ |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 271,061,980,479 | 289,574,802,993 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 1,888,857,547 | 11,542,381,596 |
| 1. Tiền | 111 | V.01 | 1,888,857,547 | 11,542,381,596 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | V.02 | 183,050 | 237,300 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 237,860 | 237,860 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) | 122 | | (54,810) | (560) |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 220,224,565,329 | 228,498,057,335 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.03 | 74,345,954,828 | 87,266,578,508 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 12,497,786,532 | 10,857,142,632 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | 3,915,803,868 | 7,315,803,868 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.04 | 154,320,916,562 | 147,945,418,695 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | | (24,855,896,461) | (24,886,886,368) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.07 | 47,228,437,045 | 47,910,663,113 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 47,228,437,045 | 47,910,663,113 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1,719,937,508 | 1,623,463,649 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.10 | 193,209,036 | 126,758,334 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 1,526,728,472 | 1,496,705,315 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 299,254,526,187 | 302,923,039,383 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 11,176,282,267 | 12,223,421,335 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.09 | 11,176,282,267 | 12,223,421,335 |
| - Nguyên giá | 222 | | 89,172,071,482 | 89,172,071,482 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (77,995,789,215) | (76,948,650,147) |
| II. Bất động sản đầu tư | 230 | | 102,004,491,738 | 103,352,786,862 |
| - Nguyên giá | 231 | | 132,036,029,974 | 132,036,029,974 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | (30,031,538,236) | (28,683,243,112) |
| III. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.02 | 185,994,871,879 | 187,346,831,186 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 8,048,082,953 | 14,650,290,029 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 206,080,000,000 | 206,080,000,000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 9,891,470,000 | 9,891,470,000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | | (38,024,681,074) | (43,274,928,843) |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 78,880,303 | |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.10 | 78,880,303 | |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 570,316,506,666 | 592,497,842,376 |

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội
Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

Mẫu số B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

| NGUỒN VỐN | MÃ SỐ | TM | SỐ CUỐI KỲ | SỐ ĐẦU NĂM |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 379,161,581,255 | 403,351,655,122 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 224,961,581,255 | 251,351,655,122 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 80,321,084,647 | 81,816,442,524 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 4,025,633,834 | 10,484,086,242 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | 7,181,061,548 | 17,998,149,104 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 725,414,051 | 735,084,085 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.14 | 33,283,734,340 | 37,695,182,499 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.15 | 90,299,066,064 | 90,379,546,417 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.11 | 320,640,000 | 320,640,000 |
| 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | 1,300,776,238 | 3,969,753,718 |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 7,504,170,533 | 7,952,770,533 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 154,200,000,000 | 152,000,000,000 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | | 148,200,000,000 | 152,000,000,000 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.11 | 6,000,000,000 | |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 191,154,925,411 | 189,146,187,254 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.16 | 191,154,925,411 | 189,146,187,254 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 575,100,000,000 | 575,100,000,000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 575,100,000,000 | 575,100,000,000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 32,960,749,348 | 32,960,749,348 |
| 3. Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | (73,426,398,513) | (73,426,398,513) |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 28,817,258,755 | 28,817,258,755 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (372,296,684,179) | (374,305,422,336) |
| - LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | (374,254,790,459) | (338,104,856,748) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 1,958,106,280 | (36,200,565,588) |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 570,316,506,666 | 592,497,842,376 |

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

HOÀNG MẠNH TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG



CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN NGỌC BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Quý 2 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| Chi tiêu | Mã số | TM | Kỳ báo cáo | | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-------|-------|-----------------|------------------|-----------------------------------|------------------|
| | | | Kỳ này | Kỳ trước | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 10,750,829,368 | 39,691,012,746 | 15,589,986,357 | 55,235,107,768 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | | | | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV | 10 | | 10,750,829,368 | 39,691,012,746 | 15,589,986,357 | 55,235,107,768 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 9,023,414,010 | 48,598,377,838 | 12,879,842,739 | 61,958,277,369 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV | 20 | | 1,727,415,358 | (8,907,365,092) | 2,710,143,618 | (6,723,169,601) |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.03 | 900,717,889 | 359,434,088 | 903,651,615 | 740,250,574 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.04 | (1,694,707,898) | 2,792,791,105 | (628,649,443) | 3,711,023,711 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | | | | 97,031,320 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.05 | | | | |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.06 | 1,944,837,251 | 1,863,227,132 | 3,832,924,696 | 3,503,101,850 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD | 30 | | 2,378,003,894 | (13,203,949,241) | 409,519,980 | (13,197,044,588) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.07 | 2,330,744 | 77,389,319 | 2,021,942,772 | 136,506,717 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.08 | 422,228,358 | 2,169,672,943 | 422,724,595 | 2,184,672,943 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (419,897,614) | (2,092,283,624) | 1,599,218,177 | (2,048,166,226) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 1,958,106,280 | (15,296,232,865) | 2,008,738,157 | (15,245,210,814) |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.09 | | | | |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | | | | |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 1,958,106,280 | (15,296,232,865) | 2,008,738,157 | (15,245,210,814) |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 70 | | | | | |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*) | 71 | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU

HOÀNG MẠNH TUẤN

KÊ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2022

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | LƯỠI KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN KỶ NÀY | |
|---|-------|-------------|-------------------------------|------------------|
| | | | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 2,008,738,157 | (15,245,210,814) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | (6,458,378,329) | 20,084,420,806 |
| - Khấu hao TSCĐ và BDS đầu tư | 02 | | 2,395,434,192 | 2,547,654,828 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | (7,950,160,906) | 16,730,321,901 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | | (124,754,015) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (903,651,615) | 834,166,772 |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | | 97,031,320 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (4,449,640,172) | 4,839,209,992 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 11,476,665,832 | (192,667,751) |
| - Tăng giảm hàng tồn kho | 10 | | 682,226,068 | 6,558,284,783 |
| - Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | (27,068,520,534) | 17,741,972,349 |
| - Tăng giảm chi phí trả trước | 12 | | (145,331,005) | 10,078,910 |
| - Tăng giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | | 710,585,207 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | | (386,981,788) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (3,975,853) | (8,042,889,675) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | | |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (448,600,000) | (320,210,000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (19,957,175,664) | 20,917,382,027 |
| II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | | 301,363,637 |
| - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (1,700,000,000) | (16,601,526,778) |
| - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 5,100,000,000 | 8,404,386,000 |
| - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | | 4,417,602,000 |
| - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 903,651,615 | 200,947,311 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 4,303,651,615 | (3,277,227,830) |
| III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| - Tiền thu từ đi vay | 33 | | 6,000,000,000 | 27,020,000,000 |
| - Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | | (41,564,923,576) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 6,000,000,000 | (14,544,923,576) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40) | 50 | | (9,653,524,049) | 3,095,230,621 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 11,542,381,596 | 1,005,767,736 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | | |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61) | 70 | V.1 | 1,888,857,547 | 4,100,998,357 |

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2022

CHỦ TỊCH HĐQT



HOÀNG MẠNH TUẤN

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

NGUYỄN NGỌC BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2022

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Xây dựng, dịch vụ, sản xuất
3. Ngành nghề kinh doanh:

- Về cơ khí và điện: chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phục vụ cho ngành nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị dây chuyên chế biến nông sản: cà phê, mía, đường, chè; Lắp ráp xe tải nhỏ phục vụ nông thôn; Thiết kế và sản xuất các loại bơm đến 8.000m³/h; Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Chế tạo tủ điện hạ thế, tủ điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến; Sản xuất và kinh doanh điện;
- Về xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; xây dựng công trình thủy lợi: hồ đầu mối, kênh mương, kè và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường; Chế tạo vỏ bọc che công trình công nghiệp; Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, phát triển hạ tầng;
- Về thương mại và dịch vụ: kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc thiết bị, hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ Hóa chất Nhà nước cấm) và chế biến nông sản; Kinh doanh lương thực, thực phẩm và nông lâm sản; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gương, kính, ván nhân tạo; Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lữ hành (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
- Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác khoáng sản, tài nguyên; Khai thác vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi) bao gồm cả khảo sát, thăm dò và chế biến (trừ các Khoáng sản Nhà nước cấm);
- Khoan phụt vữa, xi măng, gia cố chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và thân đê, than đập công trình thủy lợi, thủy điện;
- Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển; Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại; Xây dựng giao thông đường bộ và đường sắt; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
- Chế tạo, lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi và thủy điện; Chế tạo, lắp đặt và sửa chữa công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp; chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép;
- Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà cao tầng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác; Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư; Cho thuê máy móc thiết bị; Kinh doanh đại lý xăng dầu; Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông, giáo dục trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; Dạy nghề ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực: kinh doanh và quản lý, máy tính, xây dựng, công nghệ kỹ thuật mỏ địa chất

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

và chế biến lương thực, thực phẩm (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội, ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng;
- Thiết kế công trình thủy điện, thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy điện;
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, thủy điện trong lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện;
- Môi giới bất động sản;
- Định giá bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh và hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
- Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con

- Công ty CP Cơ khí Văn Lâm

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

- Công ty CP Đầu tư Thủy điện An pha

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

- Chi nhánh Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tại Thanh Hóa
- Chi nhánh Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (TP. Hà nội)
- Chi nhánh Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tại tỉnh Tuyên Quang

7. Tuyên bố về khả năng so sánh của thông tin trên Báo cáo tài chính:

Số liệu đầu năm được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính 2022 là năm tài chính thứ 17 của Công ty kể từ khi chuyển đổi hình thức sang công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty CP năng lượng và bất động sản MCG tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh: được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)

- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

c) Các khoản cho vay: Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) được lập vào cuối niên độ kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính. Số năm khấu hao cụ thể như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 50 |
| Máy móc và thiết bị | 3 - 20 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 - 20 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 10 |
| Tài sản cố định khác | 4 - 6 |

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Riêng chi phí đi vay để đầu tư xây dựng dự án khu nhà ở cao tầng và văn phòng Dự án tại 102 Trường Chinh được vốn hóa vào giá trị công trình.

7. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Riêng đối với công cụ dụng cụ được phân loại lại do không đủ tiêu chuẩn là Tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 được phân bổ trong thời gian không quá 3 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay nợ thuê tài chính được theo dõi theo kỳ hạn phải trả. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được phân loại là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ trừ các trường hợp chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp, riêng đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

15. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BÁT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế TNDN sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu hoạt động xây lắp: các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

Doanh thu kinh doanh bất động sản được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng đã được hai bên ký kết và bàn giao mốc giới.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Thu nhập khác gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

19. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng đất có hạ tầng được xác định theo dự toán đầu tư.

Đối với hoạt động xây lắp: giá vốn được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh nhưng không vượt quá tỷ lệ khoán trên doanh thu đã ghi nhận trong kỳ đối với từng công trình. Tỷ lệ khoán được xác định theo từng hợp đồng giao khoán giữa Công ty và Xí nghiệp, Chi nhánh và được áp dụng nhất quán cho các kỳ trong suốt quá trình thi công từng công trình.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá và các chi phí tài chính khác.

Chi phí tài chính được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói sản phẩm và các chi phí bán hàng khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương và các khoản trích theo lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BÁT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Báo cáo theo bộ phận: Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

| | | | | | | | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|---|------------------------|-------------------------|------------------------|--|------------------------|-------------------------|-------------------------|------------------------|
| V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán | | | | | | | | |
| 1- Tiền | | | | | | | | |
| - Tiền mặt | | | | | Cuối kỳ | | Đầu năm | |
| - Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | | | | | 159,460,865 | | 764,404,626 | |
| | Cộng | | | | 1,729,396,682 | | 10,777,976,970 | |
| 2- Các khoản đầu tư tài chính: | | | | | | | | |
| | Giá gốc | Cuối kỳ | | | Giá gốc | Đầu năm | | |
| a) Chứng khoán kinh doanh: | | Giá hợp lý | Dự phòng | | Giá hợp lý | Dự phòng | | |
| - Tổng giá trị cổ phiếu | 237,860 | 183,050 | (54,810) | | 237,860 | 237,300 | | (560) |
| + Cổ phiếu Ngân hàng Vietinbank | 237,860 | 183,050 | (54,810) | | 237,860 | 237,300 | | (560) |
| - Số lượng chứng khoán kinh doanh nắm giữ cuối kỳ như sau: | | | | | | | | |
| + Cổ phiếu Ngân hàng Vietinbank | | | | | Cuối kỳ | | Đầu năm | |
| | | | | | 7 | | 7 | |
| - Các khoản đầu tư khác | | | | | | | | |
| b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | | | | | | | |
| | Giá gốc | Cuối kỳ | | | Giá gốc | Đầu năm | | |
| - Đầu tư vào công ty con | | Dự phòng | Giá hợp lý | | Giá gốc | Dự phòng | | Giá hợp lý |
| + Công ty CP Cơ khí Văn Lâm | 8,048,082,953 | (7,689,039,130) | 359,043,823 | | 8,048,082,953 | (7,785,532,786) | | 262,550,167 |
| + Công ty CP khoáng sản MECO | | | | | 6,602,207,076 | (6,602,207,076) | | |
| Cộng | 8,048,082,953 | (7,689,039,130) | 359,043,823 | | 14,650,290,029 | (14,387,739,862) | | 262,550,167 |
| - Đầu tư vào công ty liên kết | | | | | | | | |
| + Công ty CP ĐT thủy điện An Pha | 206,080,000,000 | (24,460,825,325) | 181,619,174,675 | | 206,080,000,000 | (23,012,372,362) | | 183,067,627,638 |
| Cộng | 206,080,000,000 | (24,460,825,325) | 181,619,174,675 | | 206,080,000,000 | (23,012,372,362) | | 183,067,627,638 |
| - Đầu tư vào đơn vị khác | | | | | | | | |
| | Giá gốc | Cuối kỳ | | | Giá gốc | Đầu năm | | |
| + Công ty CP ĐT và PT các KCN Hà Tĩnh | 1,050,000,000 | (1,050,000,000) | | | 1,050,000,000 | (1,050,000,000) | | |
| + Công ty CP đầu tư và phát triển điện Meco | 2,250,000,000 | | 2,250,000,000 | | 2,250,000,000 | | | 2,250,000,000 |
| + Công ty CP Cơ điện và XD Hoà Bình | 2,241,470,000 | (2,241,470,000) | | | 2,241,470,000 | (2,241,470,000) | | |
| + Công ty CP BP Tư vấn và đầu tư XD | 1,800,000,000 | (33,346,619) | 1,766,653,381 | | 1,800,000,000 | (33,346,619) | | 1,766,653,381 |
| + Công ty CP Ván nhân tạo Yên Bái | 2,550,000,000 | (2,550,000,000) | | | 2,550,000,000 | (2,550,000,000) | | |
| Cộng | 9,891,470,000 | (5,874,816,619) | 4,016,653,381 | | 9,891,470,000 | (5,874,816,619) | | 4,016,653,381 |
| - Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn | | | | | | | | |
| | | Cuối kỳ | Hoàn nhập | | Trích lập dự | Đầu năm | | |
| | | (38,024,681,074) | 6,602,207,076.00 | | (1,351,959,307) | (43,274,928,843) | | |
| - Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, liên doanh, liên kết trong kỳ | | | | | | | | |
| Trong kỳ Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp 6.602.207.076 đồng tại Công ty CP khoáng sản MECO cho ông Nguyễn Văn Dũng với giá bán 1.980.663.000 đồng. | | | | | | | | |
| 3- Phải thu của khách hàng | | | | | | | | |
| a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn | | | | | Cuối kỳ | | Đầu năm | |
| b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan | | | | | 34,136,863,953 | | 44,771,016,449 | |
| Công ty CP Đầu tư Thủy điện An Pha | | | | | | | | |
| Phải thu về tiền sản lượng | | | | | 40,209,090,875 | | 42,495,562,059 | |
| Phải thu về tiền điện nước và thuê mặt bằng | | | | | 20,733,873,592 | | 23,033,873,592 | |
| Công ty CP đầu tư và phát triển điện MECO | | | | | | | | |
| Phải thu về tiền sản lượng thi công xây lắp, thanh lý tài sản XDCBDD | | | | | 16,865,410 | | 15,109,856 | |
| Công ty CP Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam | | | | | | | | |
| Tiền điện nước | | | | | 925,682,068 | | 925,682,068 | |
| Công ty CP Cơ khí Văn Lâm | | | | | | | | |
| | | | | | 119,304,264 | | 107,531,002 | |

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Phải thu về tiền cho thuê nhà xưởng và thu khác

18,413,365,541 18,413,365,541
74,345,954,828 87,266,578,508

4- Phải thu khác

| | Cuối kỳ | | Đầu năm | |
|---|------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Ngắn hạn</i> | <i>83,857,126,422</i> | <i>9,706,896,548</i> | <i>76,261,807,748</i> | <i>9,706,896,548</i> |
| - Tạm ứng | 60,480,648,715 | | 61,294,137,651 | |
| - Phải thu khác | 23,376,477,707 | 9,706,896,548 | 14,967,670,097 | 9,706,896,548 |
| <i>Phải thu khác là các bên liên quan</i> | <i>70,463,790,140</i> | <i>-</i> | <i>71,683,610,947</i> | <i>-</i> |
| Công ty CP Xây dựng MCG | - | | - | |
| Công ty CP Cơ khí Văn Lâm | 398,176,867 | | 120,365,437 | |
| Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha | 7,890,273 | | 5,522,510 | |
| Công ty CP thủy điện Khánh Khê | - | | 1,500,000,000 | |
| Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Phải thu tạm ứng | 6,744,023,000 | | 6,744,023,000 | |
| Ông Nguyễn Ngọc Bình - Phải thu tạm ứng | 63,000,000,000 | | 63,000,000,000 | |
| Ông Trần Hải Anh - Phải thu tạm ứng | 40,000,000 | | 40,000,000 | |
| Bà Nguyễn Thị Phương Ngọc - Phải thu tạm | - | | - | |
| Ông Nguyễn Văn Huyền - Phải thu tạm ứng | 273,700,000 | | 273,700,000 | |
| Cộng | 154,320,916,562 | 9,706,896,548 | 147,945,418,695 | 9,706,896,548 |

5- Nợ xấu

| | Cuối kỳ | | Đầu năm | |
|--|----------------|----------------|----------------|--------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể | Giá gốc | Giá trị có thể thu |
| - Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá | 24,855,896,461 | - | 24,886,886,368 | - |

6- Hàng tồn kho

| | Cuối kỳ | | Đầu năm | |
|--------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| - Nguyên liệu, vật liệu | 99,410,900 | | 99,410,900 | |
| - Công cụ, dụng cụ | 900,000 | | 2,436,364 | |
| - Chi phí SX, KD dở dang | 42,218,225,035 | - | 42,898,914,739 | - |
| - Thành phẩm | 52,886,080 | | 52,886,080 | |
| - Hàng gửi bán | 4,857,015,030 | | 4,857,015,030 | |
| Cộng | 47,228,437,045 | - | 47,910,663,113 | - |

7- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | TSCĐ hữu hình khác | Tổng cộng |
|-------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|--------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| <i>Số dư đầu năm</i> | <i>1,556,508,000</i> | <i>80,213,558,512</i> | <i>7,034,984,048</i> | <i>367,020,922</i> | <i>89,172,071,482</i> |
| - Mua trong kỳ | - | - | - | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - |
| <i>Số dư cuối kỳ</i> | <i>1,556,508,000</i> | <i>80,213,558,512</i> | <i>7,034,984,048</i> | <i>367,020,922</i> | <i>89,172,071,482</i> |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| <i>Số dư đầu năm</i> | <i>1,556,508,000</i> | <i>67,990,137,177</i> | <i>7,034,984,048</i> | <i>367,020,922</i> | <i>76,948,650,147</i> |
| - Khấu hao trong kỳ | - | 1,047,139,068 | - | - | 1,047,139,068 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - |
| <i>Số dư cuối kỳ</i> | <i>1,556,508,000</i> | <i>69,037,276,245</i> | <i>7,034,984,048</i> | <i>367,020,922</i> | <i>77,995,789,215</i> |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| - Tại ngày đầu năm | - | 12,223,421,335 | - | - | 12,223,421,335 |
| - Tại ngày cuối kỳ | - | 11,176,282,267 | - | - | 11,176,282,267 |

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

62,032,848,185

8- Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

| Khoản mục | Số đầu năm | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | Số cuối kỳ |
|-------------------------------|------------------------|---------------|---------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| - Nhà | 132,036,029,974 | | | 132,036,029,974 |
| - Cơ sở hạ tầng | 123,892,092,623 | | | 123,892,092,623 |
| - Cơ sở hạ tầng | 8,143,937,351 | | | 8,143,937,351 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| - Nhà | 28,683,243,112 | 1,348,295,124 | | 30,031,538,236 |
| - Nhà | 21,785,927,947 | 1,284,312,126 | | 23,070,240,073 |
| - Cơ sở hạ tầng | 6,897,315,165 | 63,982,998 | | 6,961,298,163 |
| Giá trị còn lại | 103,352,786,862 | | | 102,004,491,738 |

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

| | | | |
|-----------------|-----------------|--|-----------------|
| - Nhà | 102,106,164,676 | | 100,821,852,550 |
| - Cơ sở hạ tầng | 1,246,622,186 | | 1,182,639,188 |

- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá 5,749,910,679

| 9- Chi phí trả trước | Cuối kỳ | Đầu năm |
|------------------------------|-------------|-------------|
| a) Ngắn hạn | | |
| - Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 193,209,036 | 126,758,334 |
| Cộng | 272,089,339 | 126,758,334 |

| 10- Vay và nợ thuê tài chính | Cuối kỳ | | Trong kỳ | | Đầu năm | |
|------------------------------|---------------|----------------|---------------|------|-------------|----------------|
| | Giá trị | Số có khả năng | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng |
| a) Vay ngắn hạn | 320,640,000 | 320,640,000 | | | 320,640,000 | 320,640,000 |
| Vay ngắn hạn khác | 320,640,000 | 320,640,000 | | | 320,640,000 | 320,640,000 |
| b) Vay dài hạn | 6,000,000,000 | 6,000,000,000 | 6,000,000,000 | | | |
| Từ 1 đến 5 năm | 6,000,000,000 | 6,000,000,000 | 6,000,000,000 | | | |
| Ông Nguyễn Ngọc Bình | 6,000,000,000 | 6,000,000,000 | 6,000,000,000 | | | |
| Cộng | 6,320,640,000 | 6,320,640,000 | 6,000,000,000 | | 320,640,000 | 320,640,000 |

| 11- Phải trả người bán | Cuối kỳ | | Đầu năm | |
|--|----------------|----------------|----------------|----------------|
| | Giá trị | Số có khả năng | Giá trị | Số có khả năng |
| a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn | 68,760,583,686 | 68,760,583,686 | 65,838,247,347 | 65,838,247,347 |
| b) Phải trả người bán là các bên liên quan | 11,560,500,961 | 11,560,500,961 | 15,978,195,177 | 15,978,195,177 |

Công ty CP Xây dựng MCG

Phải trả tiền khối lượng thi công 4,428,682,566 4,428,682,566 6,361,680,022 6,361,680,022

Công ty CP đầu tư và phát triển điện MECO

Phải trả tiền mua vật tư 1,470,513,396 1,470,513,396 3,770,513,396 3,770,513,396

Công ty CP thiết bị phụ tùng cơ điện

Phải trả tiền mua vật tư 5,220,036,449 5,220,036,449 5,220,036,449 5,220,036,449

Công ty CP xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn

Phải trả tiền khối lượng thi công 441,268,550 441,268,550 625,965,310 625,965,310

Cộng 80,321,084,647 80,321,084,647 81,816,442,524 81,816,442,524

| 12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | Đầu kỳ | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Cuối kỳ |
|---|----------------|-------------|----------------|---------------|
| a) Phải nộp | | | | |
| - Thuế GTGT | 776,831,105 | 20,387,975 | 21,974,085 | 775,244,995 |
| - Thuế TNDN | 3,975,853 | - | 3,975,853 | |
| - Thuế TNCN | 393,019,635 | 29,968,888 | 321,509,964 | 101,478,559 |
| - Thuế nhà đất và tiền thuê đất | 140,953,911 | 168,009,587 | 168,009,587 | 140,953,911 |
| - Các loại thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 16,683,368,600 | 6,090,882 | 10,526,075,399 | 6,163,384,083 |
| Cộng | 17,998,149,104 | 224,457,332 | 11,041,544,888 | 7,181,061,548 |

| 13- Chi phí phải trả | Cuối kỳ | Đầu năm |
|--------------------------------------|----------------|----------------|
| a) Ngắn hạn | | |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 33,283,734,340 | 37,695,182,499 |
| - Lãi trái phiếu phải trả | 33,283,734,340 | 37,695,182,499 |
| - Chi phí công trình | 75,242,000 | 75,242,000 |
| - Chi phí hỗ trợ đi dãi | 31,588,092,067 | 35,999,540,226 |
| Cộng | 1,620,400,273 | 1,620,400,273 |
| | 33,283,734,340 | 37,695,182,499 |

| 14- Phải trả khác | Cuối kỳ | Đầu năm |
|-------------------------------|---------------|---------------|
| a) Ngắn hạn | | |
| - Tài sản thừa chờ giải quyết | 5,810,184,538 | 5,810,184,538 |
| - Kinh phí công đoàn | 229,571,505 | 169,692,009 |
| - Bảo hiểm xã hội | 827,454,759 | 761,783,124 |

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

| | | |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Phải trả về cổ phần hoá | 252,180,000 | 252,180,000 |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 15,230,582 | 20,941,563 |
| - Cổ tức lợi nhuận phải trả | 87,848,300 | 87,848,300 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 83,074,406,712 | 83,276,916,883 |
| Cộng | 90,299,066,064 | 90,379,546,417 |

b) Dài hạn

| | | |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 148,200,000,000 | 152,000,000,000 |
| Cộng | 148,200,000,000 | 152,000,000,000 |

15- Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

| Nội dung | Vốn góp của | Thặng dư | Quỹ đầu tư | Cổ phiếu | LNST chưa | Cộng |
|----------------------------------|-----------------|----------------|----------------|------------------|-------------------|------------------|
| A | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Số dư đầu năm trước | 575,100,000,000 | 32,960,749,348 | 28,817,258,755 | (73,426,398,513) | (338,104,856,748) | 225,346,752,842 |
| - Lãi (lỗ) trong năm trước | | | | | (36,200,565,588) | (36,200,565,588) |
| Số dư cuối năm trước đầu năm nay | 575,100,000,000 | 32,960,749,348 | 28,817,258,755 | (73,426,398,513) | (374,305,422,336) | 189,146,187,254 |
| Số dư đầu năm nay | 575,100,000,000 | 32,960,749,348 | 28,817,258,755 | (73,426,398,513) | (374,305,422,336) | 189,146,187,254 |
| - Lãi (lỗ) trong kỳ | | | | | 2,008,738,157 | 2,008,738,157 |
| Số dư cuối kỳ | 575,100,000,000 | 32,960,749,348 | 28,817,258,755 | (73,426,398,513) | (372,296,684,179) | 191,154,925,411 |

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | | | |
|----------------------------------|--|------------------------|------------------------|
| - Vốn góp của các đối tượng khác | | Cuối kỳ | Đầu năm |
| | | 575,100,000,000 | 575,100,000,000 |
| Cộng | | 575,100,000,000 | 575,100,000,000 |

c) Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | | | |
|-----------------------------|--|-----------------|------------------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | Năm nay | Năm trước |
| + Vốn góp đầu năm | | 575,100,000,000 | 575,100,000,000 |
| + Vốn góp cuối năm | | 575,100,000,000 | 575,100,000,000 |

d) Cổ phiếu

| | | | |
|--|--|----------------|----------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | | Cuối kỳ | Đầu năm |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | | 57,510,000 | 57,510,000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | | 57,510,000 | 57,510,000 |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại: | | 57,510,000 | 57,510,000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | | 5,460,000 | 5,460,000 |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | | 5,460,000 | 5,460,000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | | 52,050,000 | 52,050,000 |
| | | 52,050,000 | 52,050,000 |

e) Các quỹ của doanh nghiệp

| | | | |
|-------------------------|--|----------------|----------------|
| - Quỹ đầu tư phát triển | | Cuối kỳ | Đầu năm |
| | | 28,817,258,755 | 28,817,258,755 |

16- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a) Nợ khó đòi đã xử lý:

| | | |
|--|-----------------|-----------------|
| | Cuối kỳ | Đầu năm |
| | 287,957,108,653 | 287,961,634,457 |

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | | |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Q2/2022 | Q2/2021 |
| a) Doanh thu | | |
| - Doanh thu hợp đồng xây dựng | 6,420,075,810 | 33,179,030,902 |
| - Doanh thu khác | 4,330,753,558 | 6,511,981,844 |
| Cộng | 10,750,829,368 | 39,691,012,746 |

2- Giá vốn hàng bán

| | | |
|----------------------------------|----------------------|-----------------------|
| | Q2/2022 | Q2/2021 |
| - Giá vốn hoạt động xây dựng | 5,427,108,341 | 31,633,843,496 |
| - Giá vốn khác | 3,596,305,669 | 3,845,077,501 |
| - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | 13,119,456,841 |
| Cộng | 9,023,414,010 | 48,598,377,838 |

3- Doanh thu hoạt động tài chính

| | | |
|------------------------------|--------------------|--------------------|
| | Q2/2022 | Q2/2021 |
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 900,717,889 | 38,146,822 |
| - Lãi bán các khoản đầu tư | | 412,978,903 |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá | | (91,691,637) |
| Cộng | 900,717,889 | 359,434,088 |

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

4- Chi phí tài chính

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư
- Chi phí tài chính khác

Cộng

| Q2/2022 | Q2/2021 |
|-----------------|---------------|
| (1,694,707,898) | 2,706,937,745 |
| | 85,853,360 |
| (1,694,707,898) | 2,792,791,105 |

5- Thu nhập khác

- Các khoản khác

Cộng

| Q2/2022 | Q2/2021 |
|-----------|------------|
| 2,330,744 | 77,389,319 |
| 2,330,744 | 77,389,319 |

6- Chi phí khác

- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các khoản phạt chậm nộp thuế
- Các khoản khác

Cộng

| Q2/2022 | Q2/2021 |
|-------------|---------------|
| 90,882 | 1,245,476,083 |
| 422,137,476 | 724,196,860 |
| 422,228,358 | 200,000,000 |
| | 2,169,672,943 |

7 - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

- Chi phí cho nhân viên
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

| Q2/2022 | Q2/2021 |
|---------------|---------------|
| 1,332,287,352 | 1,443,342,252 |
| 103,654,064 | 62,384,987 |
| 66,504,275 | 49,643,379 |
| 1,530,543 | |
| 354,583,531 | 239,485,909 |
| 86,277,486 | 68,370,605 |
| 1,944,837,251 | 1,863,227,132 |

8- Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác

Cộng

| Q2/2022 | Q2/2021 |
|---------------|-----------------|
| 132,991,184 | 1,914,945,055 |
| 1,586,706,023 | 3,797,053,258 |
| 2,395,434,192 | 1,248,878,376 |
| 5,537,395,717 | 28,779,551,529 |
| (362,363,826) | (5,141,816,067) |
| 9,290,163,290 | 30,598,612,151 |

9- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

Trong đó

+ Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác

- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế

+ Các khoản điều chỉnh tăng

Các khoản phạt thuế, phạt hành chính

Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành

Các khoản khác (không đối chiếu, kiểm kê được...)

+ Các khoản điều chỉnh giảm

Lỗi từ các năm trước chuyển sang

- Tổng thu nhập chịu thuế

Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác

- Thuế suất thuế TNDN

- Thuế TNDN phải nộp

| Q2/2022 | Q2/2021 |
|-------------------|-------------------|
| 1,958,106,280 | (15,296,232,865) |
| | |
| 1,958,106,280 | (15,296,232,865) |
| (337,696,026,576) | (323,073,940,348) |
| 629,786,106 | 419,960,000 |
| 90,882 | 200,000,000 |
| 192,000,000 | 219,960,000 |
| 437,695,224 | |
| (338,325,812,682) | (323,493,900,348) |
| (338,325,812,682) | (323,493,900,348) |
| (335,737,920,296) | (338,370,173,213) |
| (335,737,920,296) | (338,370,173,213) |
| 20% | 20% |

VII- Những thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

Kỳ này
6,000,000,000

VIII. Những thông tin khác

1- Thông tin về các bên liên quan (ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Tiền lương

Trong đó:

| Q2/2022 | Q2/2021 |
|-------------|-------------|
| 360,271,744 | 608,647,608 |

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**- Thành viên trực tiếp điều hành:**

| | | |
|--|-------------|-------------|
| + Ban điều hành: | 360,271,744 | 388,687,608 |
| Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT | 360,271,744 | 388,687,608 |
| Trần Hải Anh - Tổng giám đốc (đã miễn nhiệm) | 117,149,318 | 117,149,325 |
| Nguyễn Ngọc Hưng - Tổng giám đốc | | 7,232,730 |
| Nguyễn Thị Phương Ngọc - Phó tổng giám đốc | 87,458,181 | 111,138,326 |
| Trịnh Thái Sơn - Phó tổng giám đốc | 79,391,318 | 79,391,318 |
| Phạm Thị Chinh Lương - Kế toán trưởng | 2,497,018 | |
| | 73,775,909 | 73,775,909 |

- Thành viên HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành:

| | | |
|---|--|-------------|
| + Thành viên HĐQT: | | 219,960,000 |
| Trần Hải Anh (TV HĐQT) | | 201,240,000 |
| Nguyễn Văn Huyền (Phó tổng giám đốc kiêm TV HĐQT) | | 56,160,000 |
| Đỗ Quang Tuấn (TV HĐQT) | | 56,160,000 |
| Trần Ngọc Chiến (TV HĐQT) | | 56,160,000 |
| | | 32,760,000 |

+ Ban kiểm soát:

| | | |
|---|--------------------|--------------------|
| Nghiêm Thị Mai Hoa (Trưởng ban kiểm soát đã miễn nhiệm) | | 18,720,000 |
| Nguyễn Tiến Hiền (TV BKS đã miễn nhiệm) | | 11,700,000 |
| | | 7,020,000 |
| Cộng | 360,271,744 | 608,647,608 |

Giao dịch phát sinh trong kỳ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

| | | |
|---|---------------------------|---------------|
| Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT | Nội dung nghiệp vụ | Kỳ này |
| Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan được trình bày tại các thuyết minh số V.4, V.10, V.13 | Cho Công ty vay trong kỳ | 3,000,000,000 |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty CP Khoáng sản MECO
 Công ty CP Cơ khí Văn Lâm
 Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha
 Công ty CP XD Thủy lợi Meco Sài Gòn
 Công ty CP Quản lý và Khai thác Tài sản Thiên Nam
 Công ty CP thiết bị phụ tùng Cơ điện
 Công ty CP thủy điện Khánh Khê
 Công ty CP đầu tư và phát triển điện Meco
 Công ty CP năng lượng tái tạo Bình Long
 Công ty CP Xây dựng MCG

Mối quan hệ

Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
 Công ty con
 Công ty liên kết
 Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
 Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
 Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
 Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
 Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
 Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
 Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
 Bên liên quan của Tổng giám đốc

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với bên liên quan khác như sau:

| | | |
|--|--|---------------|
| Công ty CP Đầu tư thủy điện An pha | | |
| Phải thu về tiền điện, cho thuê mặt bằng | | 729,747 |
| Chi hộ tiền lương, bảo hiểm | | 12,975,817 |
| Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn | | |
| Thanh toán khối lượng thi công, thanh toán khác | | 344,000,000 |
| Công ty CP Xây dựng MCG | | |
| Thanh toán khối lượng thi công Nậm Hóa 1, Bán Mòng, Bình Long | | 1,976,733,141 |
| Phải trả về khối lượng thi công Nậm Hóa 1, Bán Mòng, Bình Long | | 737,594,351 |
| Phải trả khác | | 880,000,000 |
| Thanh toán phải trả khác | | 3,653,295,284 |
| Công ty CP Cơ khí Văn Lâm | | |
| Phải thu về cho vay | | 700,000,000 |
| Phải thu khác | | 291,052,437 |
| Thu tiền cho vay; tiền thuê nhà xưởng | | 2,000,000,000 |
| Công ty CP Quản lý và Khai thác Tài sản Thiên Nam | | |
| Phải thu tiền điện, nước, thuê mặt bằng | | 1,923,494,983 |
| Thanh toán tiền thuê mặt bằng, điện nước | | 4,053,361,718 |
| Thanh toán tiền đặt cọc | | 3,800,000,000 |
| Công ty CP thủy điện Khánh Khê | | |
| Thu tiền nợ bảo hiểm | | 14,178,258 |

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

| | | |
|---|--|------------|
| Phải thu tiền bảo hiểm | | 14,178,258 |
| Thanh toán tiền vật tư, thanh toán khác | | 6,324,273 |

Công ty CP năng lượng tái tạo Bình Long

| | | |
|--|--|----------------|
| Phải thu về khối lượng thi công Công trình Bình Long | | 5,993,616,373 |
| Thu tiền thi công Công trình Bình Long | | 14,649,570,302 |

Tại ngày kết thúc quý, công nợ với bên liên quan khác như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty CP Đầu tư thủy điện An pha | | |
| Phải thu về tiền điện, cho thuê mặt bằng | 16,865,410 | 15,109,856 |
| Phải thu về tiền khối lượng thi công | 20,733,873,592 | 23,033,873,592 |
| Phải thu về tiền lương chi hộ | 7,890,273 | 5,522,510 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện MECO | | |
| Phải thu về khối lượng thi công | 715,682,068 | 715,682,068 |
| Phải thu về thanh lý tài sản XDCBDD | 210,000,000 | 210,000,000 |
| Công ty CP Xây dựng MCG | | |
| Ứng trước tiền thi công dự án, Bản Mòng, Bình Long | 133,164,000 | 133,164,000 |
| Ứng trước phải trả khác | 6,401,711,857 | |
| Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn | | |
| Ứng trước tiền thi công | 303,613,240 | |
| Công ty CP quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam | | |
| Phải thu về tiền điện nước | 119,304,264 | 107,531,002 |
| Công ty CP thủy điện Khánh Khê | | |
| Phải thu khác | | 1,500,000,000 |
| Công ty CP Cơ khí Văn Lâm | | |
| Phải thu về tiền thuê nhà xưởng và các khoản khác | 18,413,365,541 | 18,413,365,541 |
| Ứng trước tiền thi công | 1,000,000,000 | 1,000,000,000 |
| Phải thu về tiền cho vay | 3,915,803,868 | 7,315,803,868 |
| Phải thu khác (Lương, bảo hiểm chi hộ) | 398,176,867 | 120,365,437 |
| Cộng nợ phải thu | 52,369,450,980 | 52,570,417,874 |

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Công ty CP đầu tư và phát triển điện MECO | | |
| Phải trả tiền vật tư | 1,470,513,396 | 3,770,513,396 |
| Ứng trước tiền thí nghiệm Suối Choang | 55,000,000 | 55,000,000 |
| Công ty CP Xây dựng MCG | | |
| Phải trả tiền thi công dự án 102, Nậm Hóa 1, Bản Mòng | 4,428,682,566 | 6,361,680,022 |
| Phải trả khác | | 197,083,300 |
| Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn | | |
| Phải trả tiền thi công | 441,268,550 | 625,965,310 |
| Công ty CP thủy điện Khánh Khê | | |
| Ứng trước tiền thi công | 44,746,185 | 1,972,261,766 |
| Phải trả khác | | 13,158,919 |
| Công ty CP thiết bị phụ tùng cơ điện | | |
| Phải trả tiền vật tư | 5,220,036,449 | 5,220,036,449 |
| Công ty CP quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam | | |
| Phải trả khác | 148,200,000,000 | 152,000,000,000 |
| Công ty CP năng lượng tái tạo Bình Long | | |
| Ứng trước tiền thi công công trình Bình Long | 3,690,411,448 | 8,232,173,251 |
| Cộng nợ phải trả | 163,550,658,594 | 178,447,872,413 |

2- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp
- Lĩnh vực Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực Kinh doanh Bất động sản
- Lĩnh vực Kinh doanh dịch vụ khác

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ

| Kỳ này | Xây lắp | Thương mại | Bất động sản | Dịch vụ khác | Cộng |
|--|----------------------|------------|--------------|----------------------|-----------------------|
| DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 6,420,075,810 | | | 4,330,753,558 | 10,750,829,368 |
| Tổng DTT về bán hàng và cung cấp | 6,420,075,810 | | | 4,330,753,558 | 10,750,829,368 |
| Chi phí bộ phận | 5,427,108,341 | | | 5,541,142,920 | 10,968,251,261 |
| KQKD theo bộ phận | 992,967,469 | | | (1,210,389,362) | (217,421,893) |
| Lợi nhuận từ hoạt động KD | | | | | (217,421,893) |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 900,717,889 |
| Chi phí tài chính | | | | | (1,694,707,898) |
| Thu nhập khác | | | | | 2,330,744 |
| Chi phí khác | | | | | 422,228,358 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | | | | | 1,958,106,280 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ CP | | | | | 1,047,139,068 |

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

| | Xây lắp | Thương mại | Bất động sản | Dịch vụ khác | Cộng |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | | |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | 7,166,181,851 | 295,959,461,121 | 288,978,170,210 | (21,787,306,516) | 570,316,506,666 |
| Tổng tài sản | 7,166,181,851 | 295,959,461,121 | 288,978,170,210 | (21,787,306,516) | 570,316,506,666 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | 260,603,947,592 | 85,558,195,400 | 14,765,697,874 | 18,233,740,389 | 379,161,581,255 |
| Tổng nợ phải trả | 260,603,947,592 | 85,558,195,400 | 14,765,697,874 | 18,233,740,389 | 379,161,581,255 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | 31,667,506,214 | 295,959,461,121 | 290,540,780,060 | (25,669,905,019) | 592,497,842,376 |
| Tổng tài sản | 31,667,506,214 | 295,959,461,121 | 290,540,780,060 | (25,669,905,019) | 592,497,842,376 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | 290,794,021,459 | 85,558,195,400 | 14,765,697,874 | 12,233,740,389 | 403,351,655,122 |
| Tổng nợ phải trả | 290,794,021,459 | 85,558,195,400 | 14,765,697,874 | 12,233,740,389 | 403,351,655,122 |

3- Những thông tin khác:

Giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh

Công ty CP Năng lượng và Bất động sản MCG xin giải trình biến động kết quả kinh doanh của Công ty trong quý 2 năm 2022:

Lợi nhuận quý này tăng so với cùng kỳ năm trước, vì không phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tăng doanh thu hoạt động tài chính. Mặt khác, chuyển nhượng toàn bộ vốn góp vào Công ty CP khoáng sản Meco, đồng thời Công ty liên kết - Công ty CP đầu tư thủy điện An Pha giảm lỗ đáng kể so với cùng kỳ năm trước dẫn đến giảm trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

NGƯỜI LẬP BIỂU

HOÀNG MẠNH TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG



CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN NGỌC BÌNH